

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22833501] - Cầm biển và cơ cấu chấp hành (CCQ2315A)
CBGD: Đỗ Phương Nam (280005)

Số SV có mặt: 13.
Số bài thi:13...
Số tờ giấy thi: 13.

Đỗ Phương Nam *NVN Tuấn* *Đỗ Phương Nam* *NVN Tuấn*

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123150006	Lê Hữu Bằng	08/06/2005	CCQ2315A		<i>Bằng</i>	8,3	7	7,5
2	2123150034	Nguyễn Văn Cảnh	11/04/2005	CCQ2315A		<i>Cảnh</i>	7	7	7,0
3	2123150009	Trần Thành Danh	07/03/2005	CCQ2315A		<i>Danh</i>	8	8	8
4	2123150031	Lê Thành Đạt	13/11/2005	CCQ2315A		<i>Đạt</i>	0	0	0
5	2123150030	Nguyễn Thành Đạt	17/08/2005	CCQ2315A		<i>Đạt</i>	6,5	6,5	6,7
6	2123150010	Trần Khánh Duy	26/08/2005	CCQ2315A		<i>Duy</i>	0	0	0
7	2123150036	Võ Hồ Bảo Duy	14/06/2005	CCQ2315A		<i>Duy</i>	9,0	9,5	9,3
8	2123150020	Đoàn Hoàng Hiệp	12/11/2005	CCQ2315A		<i>Hiệp</i>	8,5	7	7,6
9	2123150035	Trần Minh Hồ	06/05/2005	CCQ2315A		<i>Hồ</i>	4	6,3	5,0
10	2123150019	Lê Văn Hưng	13/01/2005	CCQ2315A		<i>Hưng</i>	8	6,7	7,2
11	2123150007	Lê Thanh Huy	28/03/2005	CCQ2315A		<i>Huy</i>	7	6,5	6,7
12	2123150003	Phạm Duy Khanh	07/05/2004	CCQ2315A		<i>Khanh</i>	7	6,5	6,7
13	2123150015	Phan Nguyễn Nhật Khoa	22/08/2005	CCQ2315A		<i>Khoa</i>	0	0	0
14	2123150029	Trương Tuấn Kiệt	28/01/2005	CCQ2315A		<i>Kiệt</i>	7	6,7	6,8
15	2123150037	Trần Hoài Linh	13/09/2005	CCQ2315A		<i>Linh</i>	7	6,5	6,7
16	2123150021	Nguyễn Thành Lộc	08/05/2003	CCQ2315A		<i>Lộc</i>	6,5	6,5	6,5
17	2123150023	Tô Hữu Lực	29/01/2005	CCQ2315A		<i>Lực</i>	7	6,5	6,7

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22833502] - Cảm biến và cơ cấu chấp hành (CCQ2315A)
CBGD: Đỗ Phương Nam (280005)

Số SV có mặt: 13..
Số bài thi:13....
Số tờ giấy thi: 13..

Đỗ Phương Nam *Nguyễn Văn Tuấn* *Đỗ Phương Nam* *Nguyễn Văn Tuấn*

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150020	Trần Minh	Khôi	30/07/2001	CCQ2215A		Khôi	8,5	8,5	8,5
2	2123150033	Phan Văn	Minh	20/09/2004	CCQ2315A		Văn	—	0	0
3	2123150014	Nguyễn Hồng	Nhật	01/06/2005	CCQ2315A		Nhật	8	6,3	7,0
4	2123150012	Võ Văn	Phát	07/07/2005	CCQ2315A		Phát	7,5	7	7,2
5	2123150060	Huỳnh Nhật	Phong	19/08/2005	CCQ2315A		Phong	8,0	5,0	3,0
6	2123150005	Đỗ Văn	Phú	05/10/2005	CCQ2315A		Phú	7	7	7,0
7	2121150031	Trần Thanh	Phú	07/03/2003	CCQ2115A		Văn	—	0	0
8	2123150013	Võ Hồng	Phúc	30/11/2005	CCQ2315A		Văn	—	0	0
9	2123150022	Lê Minh	Quân	12/11/2005	CCQ2315A		Văn	—	0	0
10	2123150027	Lê Văn	Quyển	01/01/2004	CCQ2315A		Văn	7	7	7,0
11	2123150016	Trần Ngọc	Thanh	29/12/2005	CCQ2315A		chào	8	8,0	8,0
12	2123150025	Khúc Văn	Tiến	05/10/2005	CCQ2315A		Văn	7	7	7,0
13	2123150008	Nguyễn Chí	Tiến	09/04/2005	CCQ2315A		Tiến	8,5	9,5	9,0
14	2123150098	Nguyễn Tân	Tiến	31/08/2003	CCQ2315A		Văn	—	0	0
15	2123150017	Phạm Minh	Trường	17/01/2003	CCQ2315A		Trường	8,5	8,5	8,5
16	2123150032	Phạm Quang	Trường	01/01/2005	CCQ2315A		Trường	8	7,5	7,6
17	2123150018	Nguyễn Văn Anh	Tuấn	03/04/2005	CCQ2315A		Tuấn	8,0	5,0	3,0
18	2123150024	Võ Anh	Tuấn	19/11/2005	CCQ2315A		Tuấn	7,5	7,5	7,5